

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠ H
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12-01-2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ H, TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lập

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Hà Thành

Ông Cao Anh Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mã Thị Oanh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đạ H, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ H, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đạ H, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 193/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đạ H, tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lương Thị Kim D, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Thôn 2, xã Tiên L, huyện Tiên P, tỉnh Quảng N (vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Phan Công C, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn 1, xã Hà L, huyện Đạ H, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

NỘI D VU ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án chị Lương Thị Kim D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Kim D (chị D) và anh Phan Công C (anh C) tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hà L, huyện Đạ H, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 29/10/2013. Sau khi đăng ký kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2017 bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do không tìm được tiếng nói chung, các mối quan hệ gia đình và xã hội. Mặc dù đã cố gắng để hàn gắn nhưng

mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, không thể giải quyết được. Kể từ năm 2017 cho đến nay vợ chồng số ly thân với nhau.

Đến nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng kéo dài, do đó chị D làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh C.

Về con chung: Trong thời gian sống chung chị D và anh C có 01 con chung là cháu Phan Minh Phú, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2015. Hiện cháu Phú đang ở anh C. Ly hôn chị D đồng ý giao cháu Phú cho anh C là người trực tiếp nuôi con cho đến khi con thành niên và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*).

Về tài sản chung, về nợ chung, nợ riêng: Xác định không có, các bên không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phan Công C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về quan hệ hôn nhân, sống chung và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng như lời trình bày của chị D là hoàn toàn đúng, sau khi sinh cháu Phú thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do không tìm được tiếng nói chung, các mối quan hệ gia đình và xã hội. Mặc dù cả hai vợ chồng đã cố gắng để hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng gay gắt

Kể từ năm 2017 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Bản thân chị D đã chuyển về quê sinh sống còn anh C sống một mình với con tại địa phương. Nay chị D xin ly hôn thì anh C cũng đồng ý thuận tình ly hôn với chị D.

Về con chung: Trong thời gian sống chung có 01 chung là cháu Phan Minh Phú. Ly hôn anh C yêu cầu được nuôi con và đồng ý nhận mức cấp dưỡng nuôi con từ chị D là 1.000.000 đồng/ tháng cho cháu Phú.

Về tài sản chung, về nợ chung, nợ riêng: Xác định không có, các bên không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Anh C đồng ý ly hôn với chị D và có nguyện vọng được nuôi con, đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con do chị D đề nghị.

Các vấn đề khác anh C và chị D không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đánh giá về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định pháp luật về tố tụng. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nguyên đơn đến Tòa tham gia phiên tòa sơ thẩm, tuy nhiên nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản

1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

- Về nội D:

+ Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian chung sống chị D, anh C xảy ra mâu thuẫn. Kể từ năm 2017 đến nay không còn sống chung với nhau, trong thời gian sống ly thân các bên không quan tâm gì đến nhau, tình cảm giữa chị D, anh C không còn. Chị D xin ly hôn thì anh C cũng đồng ý ly hôn. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D.

+ Về con nuôi: Anh C có nguyện vọng được nuôi cháu Phú, trong khi đó ly hôn chị D cũng đồng ý giao con cho anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao con cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn là phù hợp.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D tự nguyện xin được cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng/tháng, anh C đồng ý nhận mức cấp dưỡng nuôi con từ chị D. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị D về việc cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, về nợ chung, nợ riêng: Chị D, anh C xác định không có, các bên không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Chị D khởi kiện ly hôn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[1] Về tố tụng.

Tòa án đã tiến hành triệu tập, thông báo hợp lệ cho nguyên đơn chị D đến Tòa tham gia tố tụng nhưng chị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn theo quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Chị D, anh C tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình cho phép tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hà Lâm, huyện Đa H, tỉnh Lâm Đồng ngày 29/10/2013. Việc đăng ký và cấp chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân xã Hà Lâm, huyện Đa H cho chị D, anh C là đúng pháp luật. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị D, anh C được xác lập là hợp pháp. Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn chị D đã khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với anh C. Tại thời điểm khởi kiện vụ án, anh C có nơi cư trú và có mặt tại xã Hà Lâm, huyện Đa H. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” và Tòa án nhân dân huyện Đa H, tỉnh Lâm Đồng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng dân sự.

[3] Về áp dụng pháp luật nội D:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị D thì thấy rằng: Sau khi kết hôn chị D, anh C chỉ sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, các mối quan hệ gia đình và xã hội. Mặc dù đã cố gắng để hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, không thể giải quyết được. Từ năm 2017 đến nay chị D, anh C không còn chung sống với nhau, trong thời gian sống ly thân giữa chị D, anh C không quan tâm gì đến nhau. Chị D yêu cầu được ly hôn với anh C thì anh C cũng đồng ý thuận tình ly hôn với chị D. Điều ngày cho thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân căng thẳng không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D, cho chị D được ly hôn với anh C là có cơ sở, phù hợp với thực tế.

[3.2] Về con chung: Trong thời gian sống chung giữa chị D và anh C có 01 con chung là cháu Phan Minh Phú, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2015. Hiện tại cháu Phú đang ở với anh C trong khi đó, anh C có nguyện vọng được nuôi cháu Phú. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Phú cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con khi vợ chồng ly hôn là phù hợp.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ly hôn chị D đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*). Anh C đồng ý nhận mức cấp dưỡng nuôi con của chị D. Do vậy buộc chị D có trách nhiệm việc cấp dưỡng nuôi con là đúng quy định.

[3.4] Về tài sản chung: Chị D, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[3.5] Về nợ chung: Chị D và anh C xác định không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.6] Về án phí: Chị D khởi kiện ly hôn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Kim D đối với anh Phan Công C về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Kim D được ly hôn với anh Phan Công C. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 26/2013 ngày 29/10/2013 của Ủy ban nhân dân xã Hà Lâm, huyện Đạ H, tỉnh Lâm Đồng chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Minh Phú, sinh ngày 13 tháng 04 năm 2015 cho anh Phan Công C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đến tuổi thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị Lương Thị Kim D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là cháu Phan Minh Phú, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2015 mỗi tháng là 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Chị Lương Thị Kim D phải chịu nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011013 ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đạ H, tỉnh Lâm Đồng, chị Lương Thị Kim D còn phải nộp thêm số tiền án phí cấp dưỡng nuôi con còn thiếu là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*).

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Đạ H (02);
- Chi cục THADS huyện Đạ H (02);
- UBND xã Hà Lâm, huyện Đạ H (01);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Các đương sự (02);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Ấn văn (03);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Lập